
Bản án số: 52/2025/DSST
Ngày 22/5/2025
Về giao dịch dân sự,
hợp đồng dân sự
(đòi tiền vay)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Dương Thị Kim Lan.

2/ Ông Lê Đình Khoát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mê Linh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2024/TLST - DS ngày 21 tháng 11 năm 2024; về: Tranh chấp về giao dịch dân sự; hợp đồng dân sự (Đòi tiền vay). Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-DS ngày 14/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2025/QĐ-HPT ngày 06/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **D**, sinh năm 1949. HKTT và chỗ ở: V, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Ông **H**, sinh năm 1966. HKTT và chỗ ở: V, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Ông D.

Vắng mặt: Ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 21/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông D trình bày: Ngày 22/4/2013, ông H có vay của ông D số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); khi vay tiền ông H nói là cần tiền để đầu tư xây dựng công trình; việc vay tiền được lập thành văn bản Giấy biên nhận đề ngày 22/4/2013; Giấy biên nhận lập thành một bản do ông D giữ, nay nộp cho Tòa án; số tiền vay ông H nhận trực tiếp là tiền mặt; lãi suất hai bên thỏa thuận, ông D không lấy lãi; thời hạn vay hai bên thỏa thuận miệng là khi nào ông D cần tiền thì ông D báo trước cho ông H một thời gian ngắn. Từ khi ông D cho ông H vay tiền đến nay, ông H không trả đồng tiền gốc và đồng tiền lãi nào cho ông D; ông D đã đòi nhiều lần nhưng ông H cũng không trả. Nay ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông H trả cho ông D số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm

mười triệu đồng); ông D không yêu cầu tính lãi. Đề nghị Tòa án tiến hành điều tra xác minh thu thập chứng cứ, để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật. *Về án phí sơ thẩm*: Giải quyết theo qui định của pháp luật. Ngoài ra, ông D không có ý kiến gì thêm.

** Bị đơn ông H hiện có mặt tại địa phương nơi cư trú*, đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và giao thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng ông H không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến cho Tòa án theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản chấp hành theo đúng qui định của pháp luật; thời hạn chuẩn bị xét xử còn kéo dài.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ và lời khai các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 471, 474, 477 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

- Buộc ông H trả ông D số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 22/4/2013, ông D cho ông H vay tiền; Việc vay tiền được lập thành văn bản Giấy biên nhận đề ngày 22/4/2013. Ngày 21/10/2024, ông D nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

Theo qui định tại Điều 429 Bộ luật dân sự “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Theo qui định này thì thời hiệu khởi kiện của ông D không còn. Tuy nhiên theo qui định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hướng dẫn thi hành một số qui định trong phần thứ nhất “những qui định chung” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung, theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự: “ Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, về đòi lại tài sản, đòi lại quyền sử dụng đất do người khác quản lý, chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện”; Ví dụ 1: “.....Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung”. Như vậy, thời hiệu khởi kiện của ông D đối với khoản tiền gốc vẫn còn do không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Về quan hệ pháp luật: Vụ án thụ lý có quan hệ pháp luật về Tranh chấp về giao dịch dân sự; hợp đồng dân sự (Đòi tiền vay), theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền: Đối với yêu cầu Tranh chấp về giao dịch dân sự; hợp đồng dân sự (Đòi tiền vay), theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh.

[4] Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại V, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, không thay đổi nơi thường trú; đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và giao thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng ông H không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến cho Tòa án theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa lần đầu và phiên tòa lần hai hôm nay ông H vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông H và dành quyền kháng cáo cho ông H theo quy định của pháp luật.

[5] Về nội dung:

[5.1] Đối với yêu cầu của ông D về khoản tiền vay nợ gốc 50.000.000 đồng. Căn cứ vào các lời khai của các đương sự; tài liệu chứng cứ điều tra xác minh thu thập được. Nhận thấy: Ngày 22/4/2013, ông D cho ông H vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Việc vay tiền được lập thành văn bản Giấy biên nhận đề ngày 22/4/2013, do ông H viết; Giấy nhận nợ có ghi số tiền vay là 50.000.000 đồng, bằng chữ (Năm mươi triệu đồng chẵn); không ghi thời hạn vay; không ghi lãi suất vay; ông D xác định ông H chưa trả đồng tiền gốc nào cho ông D; ông H không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến cho Tòa án; không cung cấp tài liệu chứng cứ nào xác định ông H đã trả nợ cho ông D; tại phiên tòa lần đầu và phiên tòa lần hai hôm nay ông H vắng mặt; Do đó, có cơ sở chứng cứ xác định ông H có vay số tiền 50.000.000 đồng của ông D và chưa trả số tiền vay này cho ông D. Vì vậy, buộc ông H trả cho ông D số tiền vay gốc 50.000.000 đồng là phù hợp.

[5.2] Về tiền lãi: Ông D xác định ông H chưa trả đồng tiền lãi nào cho ông D; ông H không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến cho Tòa án; không cung cấp tài liệu chứng cứ nào xác định ông H đã trả tiền lãi cho ông D; tại phiên tòa lần đầu và phiên tòa lần hai hôm nay ông H vắng mặt; Tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay

nay, ông D không yêu cầu ông H trả tiền lãi; vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện của ông D không yêu cầu ông H trả tiền lãi.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông H phải trả cho ông D số tiền nợ 50.000.000 đồng, nên án phí dân sự sơ thẩm ông H phải chịu để sung công quỹ nhà nước là 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 429; Điều 463; Điều 466 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Buộc ông H trả ông D số tiền vay nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) ông H phải chịu để sung công quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Ghi nhận sự tự nguyện của ông D không yêu cầu ông H trả tiền lãi.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7; 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt án vắng mặt.

Nơi nhận

- Người tham gia tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSNDH. Mê Linh.
- TAND TP. Hà Nội.
- THA huyện Mê Linh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Huy Duệ